



TS. TRẦN THỊ THƠM

ĐẠO *làm người*

TRONG TỤC NGŨ, CA DAO
VIỆT NAM



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Chịu trách nhiệm xuất bản
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PGS.TS. PHẠM MINH TUẤN

Chịu trách nhiệm nội dung
ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP - XUẤT BẢN
TS. VÕ VĂN BÉ

Biên tập nội dung: PHẠM THỊ KIM HUẾ
LÊ THỊ THỤC
HOÀNG NGỌC ĐIỆP
NGUYỄN VIỆT HÀ

Trình bày bìa: LÊ THU TRANG
Chế bản vi tính: NGUYỄN THỊ VÂN HÀ
Đọc sách mẫu: HOÀNG NGỌC ĐIỆP
TRẦN PHAN BÍCH LIỄU

Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 48-2023/CXBIPH/61-152/CTQG.

Số quyết định xuất bản: 2122-QĐ/NXBCTQG, ngày 09/01/2023.

Nộp lưu chiếu: tháng 02 năm 2023.

Mã ISBN: 978-604-57-8444-0.

ĐẠO
lâm người

TRONG TỤC NGŨ, CA DAO
VIỆT NAM



TS. TRẦN THỊ THOM

ĐẠO
làm người
TRONG TỤC NGŨ, CA DAO
VIỆT NAM

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Hà Nội - 2022

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Đạo làm người trong tục ngữ, ca dao Việt Nam là bức tranh sinh động về sự tồn tại của con người trong tổng hòa những mối quan hệ xã hội; là sự thống nhất biện chứng những yêu cầu cơ bản để hoàn thiện nhân cách và những nguyên tắc đạo đức căn bản, cốt lõi quy định bốn phận của con người trong mối quan hệ với bản thân, với gia đình và xã hội.

Ở mỗi giai đoạn lịch sử khác nhau thì những nguyên tắc đạo đức mà con người cần tuân theo cũng có sự thay đổi nhất định. Tuy nhiên, tục ngữ, ca dao Việt Nam là triết lý sống được cha ông ta đúc rút qua nhiều thế hệ đã thể hiện được quan niệm về đạo làm người mang tính bền vững, thể hiện những giá trị cốt lõi mà con người cần phải theo đuổi trong suốt cuộc đời. Những điều đó có ý nghĩa sâu sắc, góp phần định hướng cho con người trong nhận thức và hành động để hoàn thiện nhân cách và xây dựng những mối quan hệ tốt đẹp với gia đình và xã hội, tạo cơ sở cho sự phát triển hài hòa mọi mặt đời sống xã hội. Đặc biệt, trước sự phát triển kinh tế, khoa học và công nghệ, sự mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế hiện nay, bên cạnh những thuận lợi cũng đặt ra cho chúng ta không ít những thách thức. Một trong những thách thức đó là sự xuống cấp về đạo đức xã hội. Vì vậy, việc kế thừa và phát huy giá trị đạo làm người trong tục ngữ, ca dao Việt Nam là việc làm có ý nghĩa lý luận và thực tiễn. Đồng thời, những giá

trị của đạo làm người trong tục ngữ, ca dao Việt Nam cần phải được nâng lên cho phù hợp với yêu cầu của thời đại.

Với mong muốn gửi tới bạn đọc một cuốn sách tham khảo, nghiên cứu có hệ thống về quan niệm đạo làm người được thể hiện qua tục ngữ, ca dao Việt Nam, từ đó góp phần khẳng định những giá trị hiện thời của nó, đồng thời phát huy những giá trị đó trong bối cảnh hiện nay, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách *Đạo làm người trong tục ngữ, ca dao Việt Nam* của TS. Trần Thị Thơm.

Nội dung của cuốn sách được chia thành ba chương. Chương I trình bày một số vấn đề lý luận về đạo làm người trong tục ngữ, ca dao Việt Nam, như: khái niệm tục ngữ, ca dao Việt Nam, khái niệm đạo làm người trong tục ngữ, ca dao Việt Nam; đặc điểm và cơ sở hình thành đạo làm người trong tục ngữ, ca dao Việt Nam,... Chương II đi sâu phân tích những nội dung cơ bản của đạo làm người trong tục ngữ, ca dao Việt Nam được thể hiện qua các mối quan hệ giữa con người với bản thân, giữa con người với gia đình và giữa con người với xã hội. Từ những phân tích ở chương I và chương II, chương III rút ra ý nghĩa của đạo làm người trong tục ngữ, ca dao Việt Nam với việc hoàn thiện nhân cách con người Việt Nam hiện nay; với việc xây dựng gia đình Việt Nam hòa thuận, hạnh phúc cũng như với việc xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa con người với xã hội ở Việt Nam hiện nay.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 4 năm 2022

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Chương I

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ĐẠO LÀM NGƯỜI TRONG TỤC NGŨ, CA DAO VIỆT NAM

I. TỤC NGŨ, CA DAO VIỆT NAM

1. Khái niệm tục ngữ, ca dao Việt Nam

Hiện nay, có nhiều định nghĩa về tục ngữ, ca dao Việt Nam. Tùy thuộc vào lĩnh vực chuyên môn và mục đích nghiên cứu mà mỗi nhà nghiên cứu đưa ra những định nghĩa khác nhau, nhưng xét về tổng thể, chúng đều thống nhất ở những điểm cơ bản. Lý do có nhiều định nghĩa về tục ngữ, ca dao còn là bởi thực tế nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp trong việc phân biệt ca dao với dân ca, tục ngữ với thành ngữ. Sự lúng túng trong vấn đề này xảy ra ở hầu hết mọi người, kể cả những người trong giới nghiên cứu văn học. Do vậy, trong phạm vi cuốn sách, chúng tôi không đi vào tranh luận để xác định các khái niệm tục ngữ, ca dao Việt Nam mà sẽ trình bày những nét cơ bản nhất về tục ngữ, ca dao Việt Nam trên cơ sở quan điểm của một số nhà nghiên cứu.

1.1. Tục ngữ Việt Nam

Theo *Đại từ điển tiếng Việt* của Nguyễn Như Ý thì “tục ngữ là câu nói ngắn gọn, có vần điệu, lưu truyền trong dân gian, đúc kết tri thức, kinh nghiệm thực tiễn của con người về tự nhiên, xã hội, cuộc sống, đạo lý ở đời”¹.

Theo *Từ điển tiếng Việt* của Hoàng Phê, tục ngữ là “câu ngắn gọn, thường có vần điệu, đúc kết tri thức, kinh nghiệm sống và đạo đức thực tiễn của nhân dân”².

Trong cuốn *Giáo trình Văn học dân gian* của tác giả Phạm Thu Yến (Chủ biên) có định nghĩa về tục ngữ như sau: “Tục ngữ là một thể loại văn học dân gian gồm những câu nói ngắn gọn, có vần điệu, có hình ảnh dễ nhớ, dễ truyền, có chức năng đúc kết kinh nghiệm, tri thức lâu đời của nhân dân về thiên nhiên và lao động sản xuất, về con người và xã hội”³.

Khi phân biệt tục ngữ và thành ngữ, Vũ Ngọc Phan cho rằng: “Tục ngữ là một câu tự nó diễn trọn một ý, một nhận xét, một kinh nghiệm, một luân lý, một công lý,

1. Nguyễn Như Ý (Chủ biên): *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1998, tr.1747.

2. Hoàng Phê (Chủ biên): *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng, 2010, tr.1361.

3. Phạm Thu Yến (Chủ biên): *Giáo trình Văn học dân gian*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2008, tr.141.

có khi là một sự phê phán”, còn “Thành ngữ là một phần câu sẵn có, nó là một bộ phận của câu mà nhiều người đã quen dùng, nhưng tự riêng nó không diễn được một ý trọn vẹn. Về hình thức ngữ pháp, mỗi thành ngữ chỉ là một nhóm từ, chưa phải một câu hoàn chỉnh”¹; còn tục ngữ dù ngắn đến đâu cũng là một câu hoàn chỉnh. Đây là cách phân biệt mà chúng tôi thấy khá phù hợp, dễ hiểu.

Có thể thấy, các định nghĩa tục ngữ trên đây có điểm chung là đều khẳng định tục ngữ là những câu nói ngắn gọn, có vần điệu, đúc kết kinh nghiệm về tự nhiên và xã hội, thể hiện quan niệm về thế giới, về con người và cuộc đời con người của nhân dân Việt Nam. Trên cơ sở kế thừa những quan điểm trên, chúng tôi đưa ra định nghĩa về tục ngữ Việt Nam như sau: *Tục ngữ Việt Nam là một thể loại văn học dân gian gồm những câu nói ngắn gọn, có vần điệu, được sáng tác và lưu truyền qua nhiều thế hệ, phản ánh thế giới quan và nhân sinh quan của nhân dân Việt Nam.*

1.2. Ca dao Việt Nam

Theo *Đại từ điển tiếng Việt* của Nguyễn Như Ý, ca dao được xét ở hai nghĩa: “thể thơ dân gian được lưu

1. Vũ Ngọc Phan: *Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2008, tr.28.

truyền dưới dạng những câu hát” và “thể loại văn vần thường bằng thơ lục bát”¹.

Theo *Từ điển tiếng Việt* của Hoàng Phê, ca dao là “thơ ca dân gian truyền miệng dưới hình thức những câu hát không theo một điệu nhất định, thường phổ biến theo thể thơ lục bát cho dễ nhớ, dễ thuộc”².

Khi phân biệt ca dao và dân ca, Vũ Ngọc Phan cho rằng: “Đứng về mặt văn học mà nhận định, khi chúng ta đã tước bỏ những tiếng đệm, những tiếng láy, những câu láy ở một bài dân ca thì chúng ta thấy bài dân ca đó chẳng khác gì một bài ca dao. Do đó, người ta có thể nói: giữa ca dao và dân ca, ranh giới không rõ”³. Ca dao “có những câu bốn chữ, năm chữ, sáu tám hay bảy sáu tám, đều có thể ngâm được nguyên câu, không cần tiếng đệm như người ta ngâm thơ vậy. Còn dùng một bài ca dao để hát thì bài ca dao đó sẽ biến thành bài dân ca, vì hát yêu cầu phải có khúc điệu và như vậy phải có thêm tiếng đệm”⁴. Đây là cách phân biệt mà chúng tôi thấy khá phù hợp, dễ hiểu.

Các định nghĩa trên đây về ca dao có điểm chung là đều khẳng định ca dao là thể thơ dân gian được lưu

1. Nguyễn Như Ý (Chủ biên): *Đại từ điển tiếng Việt*, Sdd, tr.219.

2. Hoàng Phê (Chủ biên): *Từ điển tiếng Việt*, Sdd, tr.132.

3, 4. Vũ Ngọc Phan: *Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam*, Sdd, tr.31, 32.

truyền dưới dạng những câu hát, phản ánh đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ta. Trên cơ sở kế thừa những quan điểm trên, chúng tôi đưa ra định nghĩa về ca dao Việt Nam như sau: *Ca dao Việt Nam là một thể loại văn học dân gian gồm những câu thơ trữ tình, có vần điệu, được sáng tác và lưu truyền qua nhiều thế hệ, phản ánh đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân Việt Nam.*

2. Nội dung, hình thức của tục ngữ, ca dao Việt Nam

2.1. Nội dung của tục ngữ, ca dao Việt Nam

So với các thể loại văn học dân gian khác, tục ngữ, ca dao Việt Nam có nội dung phản ánh rộng, bao quát cả về tự nhiên, xã hội và con người. Tục ngữ, ca dao Việt Nam là kho kinh nghiệm quý giá về mọi mặt cuộc sống, ẩn chứa triết lý sống, đạo lý làm người được lưu truyền qua nhiều thế hệ thông qua sự phản ánh mối quan hệ giữa đời sống vật chất và tinh thần, những mối quan hệ của con người với bản thân, gia đình, xã hội và tự nhiên.

- Phản ánh mối quan hệ giữa đời sống vật chất và tinh thần.

Có thể nói, mối quan hệ giữa đời sống vật chất và tinh thần là mối quan hệ căn bản nhất, khái quát nhất khi nói về cuộc sống con người. Tục ngữ, ca dao Việt Nam đã có những đúc kết kinh nghiệm sâu sắc về mối quan

hệ này trên tinh thần biện chứng, nhân văn, có ý nghĩa định hướng cho con người trong nhận thức và hành động.

- Phản ánh mối quan hệ của con người với tự nhiên.

Tục ngữ, ca dao Việt Nam phản ánh mối quan hệ của con người với tự nhiên có nội dung phong phú, thể hiện kinh nghiệm của con người về thời tiết, về trồng trọt, chăn nuôi; đồng thời thể hiện tình yêu thiên nhiên, yêu quê hương, đất nước của con người.

- Phản ánh mối quan hệ của con người với chính mình.

Tục ngữ, ca dao Việt Nam phản ánh mối quan hệ của con người với chính mình, thể hiện quan niệm của con người về cuộc sống, về lao động, về việc tu dưỡng, rèn luyện trí tuệ và đạo đức để có thể làm chủ cuộc đời và có được hạnh phúc cho chính mình.

- Phản ánh mối quan hệ của con người với gia đình và xã hội.

Tục ngữ, ca dao Việt Nam phản ánh mối quan hệ của con người với gia đình và xã hội, là bức tranh sinh động về mối quan hệ giữa ông bà với con cháu, cha mẹ với con cái, quan hệ vợ chồng, anh chị em, quan hệ của con người với xóm làng, với quê hương, đất nước... Không chỉ dừng lại ở sự phản ánh, cha ông ta đã đưa ra kinh nghiệm ứng xử mang tinh thần dân chủ, nhân văn.

2.2. Hình thức của tục ngữ, ca dao Việt Nam

a) Hình thức của tục ngữ Việt Nam

Tục ngữ Việt Nam là thể loại văn học dân gian có số lượng rất lớn, đúc kết kinh nghiệm mọi mặt của cuộc sống

nhưng lại được chứa đựng trong một hình thức đơn giản. Đó là những câu nói ngắn gọn, có kết cấu gọn nhẹ nhất trong các thể loại văn học dân gian. Mặc dù đó là những câu nói hết sức cô đọng nhưng không mang tính trừu tượng, khô khan mà giản dị, dễ hiểu, hầu hết được thể hiện qua hình tượng nghệ thuật, lối nói nghệ thuật, có vần về, tạo nên những câu nói xuôi tai, cân đối. Chính vì lẽ đó, phần lớn các câu tục ngữ đều mang tính đa nghĩa, có nghĩa đen và nghĩa bóng. Thông qua hình tượng về sự vật lại ẩn chứa kinh nghiệm sống được khái quát lên từ hình tượng ấy. Chẳng hạn câu “Kiến tha lâu cũng (có ngày) đầy tổ” nói về những con kiến tuy bé nhỏ nhưng cứ kiên trì tha mồi thì cũng có ngày đầy tổ, đó là nghĩa trực tiếp - nghĩa đen. Nhưng câu tục ngữ trên không chỉ diễn tả hiện tượng trực tiếp này mà thông qua đó muốn nói về sự quyết tâm, bền chí của con người trong cuộc sống sẽ đem lại cho con người kết quả như mong muốn.

Có thể nói, tục ngữ lời ít ý nhiều, “ý tại ngôn ngoại” (ý nằm ngoài lời). Trường nghĩa của tục ngữ rất rộng, tùy thuộc vào người sử dụng, hoàn cảnh và mục đích sử dụng mà cùng một câu có thể có nhiều nghĩa khác nhau. Chính sự cô đọng, súc tích, đa nghĩa khiến cho tục ngữ dễ nhớ, dễ truyền, dễ được vận dụng rộng rãi trong lời ăn tiếng nói hằng ngày của nhân dân.

b) Hình thức của ca dao Việt Nam

Ca dao Việt Nam là những câu nói ngắn gọn thông qua những hình tượng nghệ thuật, lối nói nghệ thuật

với nhiều thể: lục bát, song thất lục bát cùng các biến thể của nó, thể thơ bốn, năm chữ; trong đó, thể lục bát được dùng phổ biến hơn cả. Ngoài ra, người ta còn chia ca dao thành 3 thể chính: thể phú - trình bày, diễn tả; thể tỉ - so sánh nhằm ngụ một ý gì hay gửi gắm một tâm sự gì; thể hứng - biểu lộ cảm xúc với ngoại cảnh.

Ca dao Việt Nam có hình thức giản dị, nhẹ nhàng, như lời nói thường ngày nhưng lại trau chuốt, đầy tính trữ tình, diễn tả được tâm tư, tình cảm của con người một cách sinh động, sâu sắc. Cách dùng chữ, lối hình tượng hóa, cụ thể hóa, nhân cách hóa, lối nói thậm xưng, ngoa dụ làm cho ca dao có thể diễn tả một cách phong phú đời sống tinh thần của con người.

3. Đặc điểm của tục ngữ, ca dao Việt Nam

Là những thể loại của văn học dân gian Việt Nam, tục ngữ, ca dao Việt Nam mang những đặc điểm cơ bản sau:

Một là, tục ngữ, ca dao Việt Nam là sự sáng tạo của tập thể

Đây là đặc trưng xã hội của văn học dân gian Việt Nam nói chung, của tục ngữ, ca dao Việt Nam nói riêng. Tính tập thể của tục ngữ, ca dao Việt Nam có cơ sở từ điều kiện sống, điều kiện lao động và sinh hoạt tập thể của quần chúng nhân dân. Tục ngữ, ca dao Việt Nam được sáng tác trong quá trình lao động tập thể như: cùng chèo đò,

tát nước, giã gạo, cấy cày, đi hội,... và trong quá trình suy ngẫm, đúc rút kinh nghiệm sống, kinh nghiệm lao động sản xuất của nhân dân từ thế hệ này sang thế hệ khác. Trong quá trình lao động sản xuất, sinh hoạt tập thể, một người có thể hát lên một câu, những người khác ngẫu hứng thêm vào những câu khác để thành một bài hoàn chỉnh. Nếu sáng tác đó hay thì nó được ghi nhớ và vang lên trong các sinh hoạt tập thể, được lưu truyền, bổ sung, chế bản từ địa phương này sang địa phương khác, từ thế hệ này sang thế hệ khác cho phù hợp với từng vùng miền, từng giai đoạn khác nhau.

Nói tới tính tập thể của tục ngữ, ca dao Việt Nam, người ta thường hay nghĩ tới tính vô danh, không mang dấu ấn cá nhân. Cách nghĩ này có phần đúng nhưng nếu từ đó phủ nhận hoàn toàn vai trò của cá nhân thì sẽ là quan niệm siêu hình. Bởi vì, không thể có tập thể nào lại không được hợp thành bởi những cá nhân cụ thể, đồng thời không thể có một sự sáng tạo tập thể nào lại tách rời khỏi sự sáng tạo của từng cá nhân hợp thành tập thể đó. Sự sáng tạo của cá nhân là điều kiện tất yếu cho sự sáng tạo tập thể. Do đó, những câu tục ngữ, ca dao Việt Nam đến với chúng ta ngày nay là kết quả của sự sáng tạo tập thể thuộc nhiều thế hệ qua nhiều vùng miền khác nhau. Trong đó, cái phần riêng của mỗi cá nhân tham gia vào quá trình sáng tạo lâu dài ấy đã hòa vào nhau, lời ca đã trở thành lời ca chung của dân gian.

Tác giả của tục ngữ, ca dao Việt Nam đa phần là quần chúng nhân dân lao động với phương thức sáng tác và lưu truyền là ngẫu hứng, truyền miệng. Tuy nhiên, qua quá trình khảo sát tục ngữ, ca dao Việt Nam, chúng ta thấy được vai trò của những nhà nho trong việc sáng tác và phổ biến những câu tục ngữ, ca dao. Họ đã dân gian hóa một số tư tưởng Nho giáo thành các câu tục ngữ như: “Phu xướng, phụ tùy”, “Quyền huynh thế phụ”, “Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô”,... Các nhà nho Việt Nam sống chủ yếu ở thôn làng, gắn bó mật thiết với nhân dân, với đời sống nông nghiệp, được nhân dân kính trọng, họ lấy nghề dạy học làm lẽ sống (trừ một số ít người thi đỗ và làm quan). Vì vậy, nhiều tư tưởng Nho giáo được dân gian hóa thành tục ngữ, ca dao và được nhân dân sử dụng, lưu truyền qua nhiều thế hệ.

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, “tục ngữ, ca dao kháng chiến” - sáng tác của nhân dân, lãnh tụ, cán bộ, bộ đội, trí thức ra đời và có tên tác giả. Nhưng họ cũng đều từ nhân dân mà ra, các sáng tác của họ được truyền trong nhân dân, được dân gian hóa, được nhân dân sử dụng, chế bản. Vì vậy, tục ngữ, ca dao kháng chiến vẫn được coi là những sáng tác của nhân dân, thể hiện tình cảm và tư tưởng của nhân dân Việt Nam trong quá trình đấu tranh chống đế quốc xâm lược, trong lao động sản xuất và xây dựng đất nước. Đặc biệt, nhiều tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về

đấu tranh cách mạng cũng đã được dân gian hóa thành các câu tục ngữ, ca dao, được nhân dân sử dụng và trở thành tài sản tinh thần quý báu của cả dân tộc.

Hai là, phương thức lưu truyền là truyền miệng

Truyền miệng là hình thức tồn tại đặc thù của văn học dân gian Việt Nam nói chung, của tục ngữ, ca dao Việt Nam nói riêng. Cũng giống như các thể loại văn học dân gian khác, tục ngữ, ca dao Việt Nam ra đời từ rất sớm, khi người ta chưa có chữ viết, do đó, phương thức lưu truyền của tục ngữ, ca dao Việt Nam là truyền miệng. Tục ngữ, ca dao Việt Nam chủ yếu được sáng tác trong quá trình lao động sản xuất, sinh hoạt tập thể của nhân dân. Lấy cảm hứng từ chính quá trình sinh hoạt, lao động sản xuất, nhân dân đã cất lên những câu tục ngữ, ca dao thể hiện tình cảm, quan niệm của mình đối với công việc, con người và cuộc sống.

Tục ngữ, ca dao Việt Nam kết tinh trí tuệ và tâm hồn dân tộc trong suốt chiều dài lịch sử và được lưu truyền rộng rãi trong nhân dân. Với cách nói giản dị dễ đi vào lòng người cùng sự trau chuốt về nội dung và hình thức, tục ngữ, ca dao có sức biểu cảm rất lớn và nó được sử dụng phổ biến trong lời ăn tiếng nói hằng ngày. Chính bằng hình thức truyền miệng mà các câu tục ngữ, ca dao Việt Nam khi được cất lên đã biểu hiện được những sắc thái tình cảm phong phú của con người. Vì vậy, ngay cả khi có chữ viết thì truyền miệng vẫn là hình thức lưu truyền của tục ngữ, ca dao Việt Nam.